

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NGÀNH I TẾ

HOÀNG ĐÌNH CẦU

Ngành i tế nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời sau Cách mạng tháng Tám, trong hoàn cảnh của một nước thuộc địa vốn nghèo nàn lạc hậu. Ngay từ những ngày đầu nó đã phải giải quyết nhiều vấn đề i tế nghiêm trọng, ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe và đời sống của nhân dân. Tỷ lệ tử vong chung của toàn dân là 3,2%, riêng tử vong ở trẻ em lên đến 30—40%. Để giải quyết các yêu cầu của công tác i tế nhân dân, ngành i tế đã sớm biết lấy công tác khoa học kĩ thuật làm một đòn bẩy quan trọng.

Lúc đầu với một số cán bộ i tế nhiệt tình nhưng quá ít, không có tổ chức thích hợp, không có cơ sở vật chất, các phương tiện kĩ thuật, công tác nghiên cứu i học vấp phải những khó khăn hầu như khó vượt qua. Nhưng sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đã vạch ra một đường lối đúng đắn trong nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học i học nói riêng.

Dựa vào đường lối đó, trong các năm qua công tác nghiên cứu i học đã được tổ chức và phát triển, dần dần trở thành một động lực tích cực cho sự lớn lên của ngành i tế.

**CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU I HỌC ĐÃ ĐÁP
ỨNG ĐƯỢC NHỮNG NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ
TRƯỚC MẮT, NHỮNG MỤC TIÊU VÀ YÊU
CẦU CHÍNH CỦA NGÀNH I TẾ TRONG
TỪNG GIAI ĐOẠN**

Nhằm vào những điều kiện xã hội và kinh tế của nước nhà, nghiên cứu i học phải giúp cho ngành i tế giải quyết tốt yêu cầu phục vụ sức khỏe nhân dân lao động, thực hiện

phương châm phòng bệnh, khai thác các kinh nghiệm quý báu của i học dân gian và dân tộc trong phòng bệnh, chữa bệnh, đẩy mạnh xây dựng công tác i tế nông thôn, công nghiệp v.v...

Ngay những năm đầu của Cách mạng tháng Tám thành công, vấn đề khẩn cấp đặt ra cho ngành i tế là nhanh chóng dập tắt một số bệnh dịch như dịch tả, đậu mùa đang gây nhiều tổn thất cho nhân dân trong vùng tạm bị chiếm và cả tại một số vùng tự do. Viện nghiên cứu vi trùng học lúc đó làm việc trong rừng, với phương tiện và kĩ thuật thô sơ thiếu thốn nhưng đã nghiên cứu, sản xuất các loại vắc-xin chống tả và vắc-xin phòng đậu mùa với số lượng đủ theo yêu cầu tiêm chủng hàng loạt cho nhân dân. Nhờ đó mà hai bệnh này đã được sớm dập tắt ở các vùng tự do, trong khi ở các nơi tạm thời bị quân viễn chinh Pháp chiếm đóng, dịch tả và đậu mùa vẫn lưu hành. Ví dụ ở Hà-nội, vào năm 1954 — năm cuối cùng của thời kì giặc Pháp chiếm đóng miền Bắc — dịch đậu mùa đã làm chết 4 — 5 nghìn người.

Những năm 1959 — 1960 ở nhiều nơi trên miền Bắc xảy ra dịch bại liệt trẻ em gây nhiều lo sợ cho nhân dân. Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương đã nghiên cứu sản xuất kịp thời vắc-xin Sabin — Sumacôp trong hoàn cảnh của nước ta. Từ năm 1961 trở đi, mỗi năm hàng triệu trẻ em đã được uống vắc-xin phòng bại liệt nên chúng ta đã khống chế được chứng bệnh hiểm nghèo này.

Nghiên cứu thành công và sử dụng từ năm 1964 vắc-xin đa liên tiêm trong da để tiêm chủng có nhiều thuận lợi vì đơn giản, có hiệu

lực, rất tiết kiệm thuốc và không gây những phản ứng khó chịu cho người được tiêm. Hiện nay Viện Vệ sinh dịch tễ đã nghiên cứu sản xuất nhiều vắc xin mới như vắc xin chống viêm não Nhật-bản B, vắc xin chống bệnh do leptospira, interferonôgen chống cúm...

Để chữa bệnh lị phát triển dai dẳng ở một số địa phương về mùa hè và có nguy cơ lan rộng, chúng ta đã nghiên cứu sản xuất được nhiều thuốc chữa lị có hiệu quả như nha đam tử, becbêrin, codanxit... hoàn toàn bằng dược liệu địa phương.

Đối với các bệnh xã hội như sốt rét, mắt hột, lao, phong, bướng cổ đã có nhiều công trình nghiên cứu về điều tra dịch tễ, về phòng bệnh và điều trị, như nghiên cứu sốt rét vùng đồng bằng và ven biển, biện pháp điều trị thề, sốt rét mà kí sinh trùng kháng thuốc, chữa lao bằng INH kết hợp với kích sinh tố filatop và xuptilit, điều tra dịch tễ học bướng giáp lưu hành ở miền Bắc và biện pháp chống bướng cổ bằng muối trộn iốt v.v...

Thanh khiết môi trường là một nhiệm vụ cấp thiết, nhất là ở nông thôn. Để giảm tỉ lệ bệnh tật trong nhân dân, trước hết cần giải quyết 3 vấn đề cơ bản là phân, nước, rác. Việc nghiên cứu áp dụng rộng rãi hố xí hai ngăn ủ phân tại chỗ phù hợp với điều kiện nông thôn nước ta, trong nhiều năm nay đã giải quyết tốt vấn đề phân ở nông thôn, giảm được tỉ lệ các bệnh đường ruột, đồng thời có phân bón cho một số mặt canh tác. Việc đào giếng khơi, làm nhà tắm, các biện pháp ủ rác kết hợp với công tác giáo dục, tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh đã làm giảm rõ rệt tỉ lệ mắc các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, làm thay đổi hẳn tình hình vệ sinh ở nông thôn.

Công tác nghiên cứu trong nhiều năm đã góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu phục vụ trẻ em, phụ nữ, công nhân, cán bộ và nhân dân lao động. Kết quả được biểu hiện rõ ràng ở việc giảm tỉ lệ chết ở trẻ em, sản phụ, giảm được tỉ lệ mắc các bệnh nhiễm khuẩn hàng năm.

Công tác khai thác kinh nghiệm i học dân tộc và kết hợp đông i đã trở thành một khu vực nghiên cứu lớn đã được Hồ Chủ tịch và Đại hội Đảng nhắc nhở :

« Ông cha ta ngày trước có nhiều kinh nghiệm quý hóa về cách chữa bệnh bằng thuốc ta, thuốc bắc. Để mở rộng phạm vi i học, các cô các chú cũng nên chú trọng nghiên cứu và phối hợp thuốc đông và thuốc tây... » (1).

« Phối hợp chặt chẽ đông i với tây i trong công tác i tế trên các mặt phòng bệnh, chữa

bệnh, sản xuất thuốc men, đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học... » (2).

Qua nghiên cứu, chúng ta đã khai thác được nhiều phương thuốc, nhiều kinh nghiệm quý báu trong chẩn đoán, điều trị, khai thác thuốc men từ các cây cỏ trong nước để chữa trị, chữa viêm tắc động mạch, chữa vết thương phần mềm bằng lá mỗ quạ, bó gãy xương, dùng châm cứu và xoa nắn điều trị nhiều bệnh v.v...

Hơn 10 năm điều tra cơ bản về dược liệu trên hầu hết các địa phương miền Bắc, Viện Dược liệu đã sưu tầm được trên 1 000 cây thuốc, lập bản đồ dược liệu, khoanh vùng cây thuốc, viết dược liệu chí, đã và đang góp phần quan trọng vào việc lập qui hoạch phát triển sản xuất thuốc men. Nghiên cứu về dược nhằm mục đích tự lực cánh sinh, giải quyết khó khăn về thuốc, bảo đảm từng bước nhu cầu về thuốc men cho nhân dân : hàng năm đã đưa vào sản xuất nhiều thuốc mới chế tạo từ dược liệu địa phương bao gồm các loại thuốc cần thiết như thuốc chữa các bệnh đường tiêu hóa (lị, ỉa chảy, viêm loét dạ dày...), bệnh tim mạch, thuốc tăng lực, thuốc an thần, chống dị ứng v.v...

Trong suốt thời kì chiến tranh phá hoại toàn diện và ác liệt của không quân và thủy quân Hoa-kì trên miền Bắc với âm mưu đen tối đưa miền Bắc Việt-nam trở về thời kì đồ đá, công tác nghiên cứu i học cũng như các mặt công tác i tế khác vẫn tiếp tục tiến hành khẩn trương nhưng được chuyển hướng cho phù hợp với tình hình mới. Chúng ta đã nghiên cứu tổ chức lại mạng lưới i tế và mạng lưới cấp cứu, phân chia thành bốn tuyến từ trung ương xuống tận cơ sở, thực hiện việc chữa bệnh tại chỗ, ngoại khoa hóa cán bộ, nên mặc dầu các cuộc oanh tạc ngày một dữ dội và các vũ khí tối tân được sử dụng ngày một nhiều, nhất là trong những ngày đế quốc Mĩ điên cuồng ném bom hủy diệt bằng máy bay chiến lược B52 cuối tháng 12-1972, công tác i tế đã được tiến hành nhanh gọn, giải quyết tốt các trường hợp bị thương. Những vết thương do bom bi các loại, do rôcket, các loại bom, các vết bỏng do bom napan, bom fôtfô, vấn đề sốc, vùi lấp v.v... Là những đề tài nghiên cứu ngay từ những ngày đầu chiến tranh. Cách giải quyết các vấn đề nói trên đã

(1) Trích thư của Hồ Chủ tịch gửi Hội nghị cán bộ i tế 27-2-1955

(2) Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III tập I, 9-1960, trang 187, Nhà xuất bản Sự thật.

cho phép giảm tỉ lệ tử vong do vết thương chiến tranh và tỉ lệ thương tật qua từng năm.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU I HỌC PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐƯỢC MỘT LỰC LƯỢNG CÁN BỘ KHOA HỌC, KỸ THUẬT VỪA CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN VỪA CÓ PHẨM CHẤT CÁCH MẠNG

Cán bộ quyết định tất cả, do đó muốn phát triển nghiên cứu khoa học, ngay từ đầu ngành i tế đã tập trung vào công tác đào tạo và bổ túc cán bộ.

Trước ngày Cách mạng tháng Tám thành công, trên toàn Đông-dương chỉ có hơn 50 bác sĩ và 20 dược sĩ đại học. Sau hiệp nghị Jonevo 1954. Số lượng bác sĩ, dược sĩ đại học, trên toàn miền Bắc ít hơn một tỉnh lớn hiện nay.

Năm 1964, Trường đại học I — Dược Hà-nội được tách thành hai trường: Trường đại học I và Trường đại học Dược. Năm 1968, mở thêm hai phân hiệu đại học ở Thái-bình và miền núi (Bắc-thái). Số sinh viên hằng năm ra trường khoảng 800 — 900 người. Hầu hết số cán bộ được đào tạo đều xuất thân từ các thành phần lao động, nhiều người đã được rèn luyện trong kháng chiến, có phẩm chất và đạo đức của người cán bộ i tế xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1972 trở đi, bắt đầu đào tạo chuyên khoa cấp 1 và cấp 2. Ngoài việc đào tạo trong nước, ngành i tế đã và đang gửi cán bộ sang các nước xã hội chủ nghĩa anh em bổ túc thêm sau đại học.

Đến nay toàn ngành đã có khoảng 7 000 cán bộ đại học và trên đại học phân bố cho toàn bộ mạng lưới i tế, khoảng 20 % công tác tại các trường đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở ở trung ương. Ngành i tế ở các tỉnh lớn như Thanh-hóa, Quảng-ninh và thành phố Hà-nội, Hải-phòng có từ 200 — 300 cán bộ đại học, tỉnh có ít nhất như Sơn-la, Nghĩa-lộ, Lai-châu cũng được trên dưới 30 cán bộ đại học.

Tất cả cán bộ kể trên dù làm công tác giảng dạy, công tác lâm sàng, các công tác khác trong ngành đều tham gia ít nhiều vào nghiên cứu khoa học với một tỉ lệ khoảng 15 — 20 % thời gian lao động chính thức của cán bộ (ở các cơ sở lớn ở trung ương).

Về mặt chất lượng chuyên môn, đội ngũ cán bộ nghiên cứu hiện nay bao gồm hầu hết các cán bộ chuyên môn cốt cán, với trình độ kiến thức khoa học, kỹ thuật tiến bộ khá nhanh trong những năm gần đây. Số cán bộ

được đào tạo ở nước ngoài có học vị tiến sĩ và phó tiến sĩ tính đến cuối năm 1974 là 112 người, không kể hàng năm cán bộ có trình độ trên đại học trưởng thành trong nước.

Hơn mười năm nay, ngành i tế tiến hành đào tạo cán bộ quản lý và bổ túc cho cán bộ về mặt quản lý i tế và i học xã hội.

Tuy nhiên mặc dầu đã có rất nhiều cố gắng, công tác đào tạo chưa cung cấp được đầy đủ một đội ngũ cán bộ có đủ trình độ đi sâu hơn nữa vào i học và đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài của ngành, nó đòi hỏi chúng ta phải có một sự nỗ lực rất lớn trong nhiều năm tới.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU I HỌC TRÊN CƠ SỞ TỔ CHỨC TỐT CÁC CƠ SỞ NGHIÊN CỨU VÀ MẠNG LƯỚI I TẾ NÓI CHUNG

Công tác nghiên cứu i học được tiến hành trong một mạng lưới cơ sở nghiên cứu bao gồm:

- các viện nghiên cứu và các đơn vị nghiên cứu chuyên đề;
- các trường đại học i và dược;
- các bệnh viện lớn và các xí nghiệp trung ương.

Từ một viện nghiên cứu có từ trước năm 1954 (Viện Vi trùng học), năm 1957 ta xây dựng thêm ba viện nghiên cứu mới (Viện Lao, Viện Mắt và Viện Sốt rét—côn trùng—kí sinh trùng). Và đến nay ta đã có 10 viện nghiên cứu. Ngoài nhiệm vụ nghiên cứu, các viện còn có trách nhiệm chỉ đạo kỹ thuật và giúp đỡ xây dựng các cơ sở cùng chuyên khoa ở các tỉnh.

Từ năm 1970, sau khi nghiên cứu tình hình của ngành và kinh nghiệm các nước, rút kinh nghiệm hoạt động của các viện nghiên cứu đã có, chúng ta đã xây dựng một số đơn vị nghiên cứu chuyên đề. Dưới một hình thức tổ chức gọn nhẹ, các đơn vị nghiên cứu chuyên đề được giao nhiệm vụ tập trung giải quyết những đề tài khoa học cụ thể theo yêu cầu của ngành với một số ít cán bộ có trình độ, có nhiệt tình, không tốn kém nhiều so với xây dựng viện. Có những đơn vị nghiên cứu chuyên đề đã nhanh chóng đem lại kết quả phục vụ cho ngành như các đơn vị nghiên cứu phóng xạ i học, đơn vị nghiên cứu sản phẩm ong làm thuốc, đơn vị nghiên cứu phủ tạng làm thuốc v.v...

Sẵn có một đội ngũ cán bộ giảng dạy đồng đảo và có trình độ, làm thành một tập thể lớn, sẵn có trang bị, thiết bị tương đối đầy đủ, có một lực lượng thanh niên học sinh đầy

nhật tinh v.v..., các trường đại học có đầy đủ các điều kiện để đi sâu vào nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khoa học cơ bản, vừa để phục vụ tốt cho công tác i tế nhân dân, vừa nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Trong ngành i tế, các trường chuyên nghiệp giữ một vị trí xung yếu trong công tác nghiên cứu i học.

Các bệnh viện lớn ở Hà-nội như Bệnh viện hữu nghị Việt-nam—Cộng hòa dân chủ Đức, Bệnh viện Bạch-mai, Bệnh viện hữu nghị Việt—Xô v.v..., ở Hải-phòng như Bệnh viện Việt—Tiệp v.v... vẫn làm nhiệm vụ chữa bệnh, làm cơ sở thực hành cho các trường chuyên nghiệp của ngành. Nhưng với các tiềm lực sẵn có về trang bị, thiết bị cũng như về cán bộ, các cơ sở này có đủ điều kiện để tiến hành công tác nghiên cứu khoa học. Công trình mổ gan khô, công trình về ung thư gan của giáo sư Tôn Thất Tùng được sản sinh ở Bệnh viện hữu nghị Việt-nam—Cộng hòa dân chủ Đức trong quá trình giải quyết các bệnh của gan mật là những ví dụ rất điển hình. Hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học của đa số cán bộ i tế cũng đã tiến hành ở các bệnh viện, các xí nghiệp v.v...

Rõ ràng, nghiên cứu i học không chỉ bó hẹp ở các viện nghiên cứu, nó là một công tác tập thể với sự tham gia rộng rãi của cán bộ trong mạng lưới i tế chung toàn ngành và trên cơ sở vật chất, kĩ thuật của toàn ngành. Với quan niệm đó, chúng ta không ngừng phát triển và củng cố mạng lưới phòng bệnh chữa bệnh, vệ sinh phòng dịch, cấp cứu, nhất là mạng lưới i tế nông thôn.

Nhờ việc xây dựng được tuyến i tế xã và huyện vững hơn, mở rộng kĩ thuật xuống các tuyến dưới, nên chúng ta đã đáp ứng được yêu cầu khám bệnh, chữa bệnh hằng ngày, giải quyết cấp cứu tại chỗ trong thời gian đế quốc Mĩ mở rộng chiến tranh leo thang ra miền Bắc.

Trong thời gian qua, phần lớn các kĩ thuật hiện đại đã được xây dựng và ứng dụng ở các cơ sở trung ương và một số cơ sở địa phương. Ví dụ các kĩ thuật phóng xạ i học ứng dụng vào chẩn đoán một số bệnh, thăm dò chức năng tuyến giáp, chức năng thận, gan, chức năng hấp thụ của ruột non, bệnh lí máu v.v...; các kĩ thuật điện sinh vật như điện tim, điện não, điện cơ v.v...; các kĩ thuật nội soi và sinh thiết trong các chuyên khoa, các kĩ thuật thăm dò tim mạch hiện đại (chụp động mạch chọn lọc, thông tim trái, chụp mạch vành ...), tim phổi nhân tạo, thận nhân tạo, một số kĩ thuật xét nghiệm sinh hóa, huyết học, miễn dịch học, nuôi cấy tế bào,

các kĩ thuật đo lường phân tích hiện đại như các phương pháp sắc kí, điện di, quang phổ... Các kĩ thuật mới này đã có tác dụng nâng cao một bước quan trọng trình độ cán bộ và chất lượng công tác các mặt.

Tóm lại, có thể nói công tác i tế nhân dân thực tiễn hằng ngày và công tác nghiên cứu i học là hai mặt không thể tách rời của một vấn đề lớn là bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ LÀ MỘT YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Nghiên cứu i học là một yếu tố cơ bản chi phối việc xây dựng, phát triển cũng như mọi hoạt động của i tế nhân dân.

Quản lí công tác nghiên cứu i học là một vấn đề khó khăn đối với một nước mới đi vào con đường phát triển khoa học, kĩ thuật trên một qui mô lớn. Trong những năm qua, chúng ta đã có một số cố gắng nhằm quản lí tốt công tác nghiên cứu i học.

Từ năm 1959, Hội đồng khoa học kĩ thuật đã được thành lập ở cấp Bộ. Hội đồng này được chấn chỉnh lại năm 1970.

Từ năm 1971, thành lập Hội đồng khoa học kĩ thuật ở các cơ sở i tế để giúp các thủ trưởng cơ sở quản lí tốt công tác khoa học kĩ thuật.

Từ năm 1971, thành lập Vụ quản lí Khoa học kĩ thuật trong Văn phòng Bộ i tế.

Các hội đồng khoa học kĩ thuật các cấp, Vụ quản lí Khoa học kĩ thuật đã từng bước xây dựng được công tác quản lí khoa học kĩ thuật như:

— Xây dựng phương hướng phát triển i học lâu dài và từng giai đoạn cụ thể.

— Xây dựng qui hoạch dài hạn phát triển i học và kế hoạch hàng năm.

— Xây dựng một số qui chế, chế độ, chính sách nhằm đưa công tác quản lí vào nề nếp và tạo điều kiện làm việc tốt hơn cho các cán bộ khoa học kĩ thuật của ngành.

— Nghiên cứu áp dụng một số phương pháp quản lí và nghiên cứu khoa học như phương pháp sử dụng đực phiếu lỗi, phương pháp thống kê i học v.v...

— Đẩy mạnh từng bước việc quản lí đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật và có phương án bồi dưỡng, kịp thời nâng cao khả năng về mọi mặt cho anh chị em.

— Đẩy mạnh việc quản lí cơ sở vật chất, trang bị, thiết bị và tạo cho các cán bộ những công cụ lao động đầy đủ. Từ nhiều năm nay, Thư viện i học trung ương đã được xây dựng

và hằng năm được bổ sung nhiều sách báo i học nước ngoài và trong nước. Công tác thư viện và thông tin i học đã có nhiều tiến bộ bước đầu đáng kể.

Công tác xuất bản giữ một vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển khoa học, kĩ thuật. Trong 15 năm hoạt động của mình, từ ngày thành lập, nhà xuất bản i học đã bảo đảm xuất bản một khối lượng lớn các sách giáo khoa các cấp, các tạp chí và sách chuyên đề i học, các nội san của các chuyên khoa, các tài liệu giáo dục i học thường thức, các tài liệu tuyên truyền vệ sinh v.v... cho ngành.

Công tác tiêu chuẩn hóa các danh từ i học được đẩy mạnh từ nhiều năm nay, nhằm ổn định các từ i học, tạo ra các từ mới theo đà phát triển các chuyên khoa hiện đại, ổn định ngôn ngữ i học. Đã xuất bản các từ điển i học chung và từ điển thuộc từng chuyên khoa Pháp — Việt, Nga — Việt, Anh — Việt v.v...

Công tác nghiên cứu i học đã vượt qua một chặng đường ba mươi năm trong những điều kiện khó khăn, gian khổ của một nước nghèo, khoa học kĩ thuật chưa phát triển và liên tục bị chiến tranh tàn phá. Được sự lãnh đạo sáng suốt và kịp thời của Đảng Lao

động Việt-nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến, các cán bộ i tế đã biết phát huy tinh thần tự lực cánh sinh, đã cố gắng đem kiến thức khoa học kĩ thuật hiện đại áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh Việt-nam để giải quyết những yêu cầu cấp bách của i tế nhân dân, đã kiên quyết đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề thiết thực phục vụ cho sức khỏe của nhân dân ta, đã cố gắng từng bước tìm hiểu thực tiễn Việt-nam và khai thác các kinh nghiệm quý báu của i học dân tộc trên cơ sở khoa học kĩ thuật hiện đại.

Miền Nam nước ta đã được hoàn toàn giải phóng, kết thúc giai đoạn lịch sử ba mươi năm đấu tranh gian khổ nhưng đầy vinh quang của dân tộc Việt-nam, sẽ mở ra những triển vọng mới cho công tác nghiên cứu khoa học của ngành i tế. Nhiều khó khăn mới sẽ xuất hiện, nhưng với các kinh nghiệm tích lũy được trong 30 năm, các cán bộ khoa học kĩ thuật của chúng ta, với niềm phấn khởi, tin tưởng vô hạn vào tiền đồ xán lạn của dân tộc, chắc chắn sẽ nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng một nền i học Việt-nam xã hội chủ nghĩa ở vùng nhiệt đới Đông Nam Á.

Bước trưởng thành của ngành công nghiệp hóa chất

(Tiếp theo trang 27)

trình độ đại học và trên đại học. Nếu năm 1955, chúng ta mới có 5 kĩ sư hóa chất thì hiện nay ngành công nghiệp hóa chất đã có trên 1500 kĩ sư, trên 50 phó tiến sĩ. Chúng ta không những chú ý đến sản xuất trước mắt, mà còn chuẩn bị cho tương lai. Do đó, những ngành nghề dù hiện nay chưa có, nhưng chắc chắn tương lai sẽ có như : khai thác, chế biến dầu mỏ, sợi hóa học, chất dẻo... đều được đào tạo cán bộ.

..

Ngày nay, đất nước ta đã hoàn toàn giải phóng. Nguồn tài nguyên huy động cho công nghiệp hóa chất thêm mở rộng, đồng thời nhu cầu về sản phẩm hóa chất cũng tăng thêm gấp bội. Điều đó, đòi hỏi chúng ta phải nắm vững tình hình cụ thể để 2 miền có thể bổ sung cho nhau, hỗ trợ nhau thành một thể hoàn chỉnh và cân đối.

Ngành hóa chất phải đóng góp phần tích cực giải quyết vấn đề ăn, mặc, ở của nhân dân bằng cách tập trung phục vụ nông nghiệp,

cung cấp ngày càng nhiều phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc, nguyên liệu cho ngành dệt (sợi hóa học), vật liệu tổng hợp và các sản phẩm tiêu dùng khác, góp phần quan trọng vào việc tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm xuất khẩu và tăng cường khả năng quốc phòng.

Trên cơ sở quán triệt đường lối phát triển kinh tế chung của Đảng trong bước đi ban đầu, ngành hóa cần phải nắm vững xu thế và thành tựu khoa học, kĩ thuật thế giới để xây dựng và phát triển ngành một cách độc lập, tự chủ, có cơ cấu hợp lí, phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Phải dựa vào nguyên liệu trong nước là chính, huy động đội ngũ cán bộ khoa học, kĩ thuật của ta để tự mình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và xây dựng những cơ sở sản xuất qui mô nhỏ và vừa, tiến lên qui mô sản xuất lớn, hiện đại. Đồng thời cần tranh thủ sự viện trợ và hợp tác quốc tế để sớm đi vào kĩ thuật của thời đại, xây dựng các công trình lớn có tầm quan trọng then chốt trong ngành, có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân.